TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bảnán số:**460**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 30/8/2023 *V/v Tranh chấp Ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Tạ Công Minh**

2.Ông **Nguyễn Văn Y**

Thư ký phiên tòa: Bả **Hoàng Mai Chi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Võ Hồng Nhân**-Kiểm sát viên*

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2023 về *"Tranh chấp Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Phục S** sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp T.B xã T.S, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp T.T A xã B.Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

(Anh S xin vắng mặt, chị L vắng mặt phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Phục S trình bày:

anh Svà chị L chung sống vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.S, Châu Thành, Tiền Giang (nay là Thành phố Mỹ Tho). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên anh Sxin Tòa án giải quyết ly hôn với chị L. Về con chung có 02 con chung tên là Nguyễn Phục Quốc L sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Phục Quốc Hsinh ngày 02/11/2013, khi ly hôn anh S xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn Nguyễn Thị Kim L vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các buổi hòa giải và tại phiên tòa, không có bản tự khai cũng như ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của anh Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh S và anh Liên quen biết sau đó tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo anh S trình bày là do bất đồng quan điểm và anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Do thấy không còn tình cảm nên anh S làm đơn xin ly hôn với chị L. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị L là hôn nhân hợp pháp. Nay anh Sxin ly hôn với chị L nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Sơn:

Tại đơn khởi kiện, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L lý do giữa anh S và chị L phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2020, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân từ năm 2020 đến nay,giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh S đã có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân,không còn sống chung từ 2020 đến nay. Chị L trong suốt quá trình giải quyết của Tòa án từ giai đoạn hòa giải cho đến khi xét xử đều vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn chứng tỏ chị L không còn tình cảm và không quan tâm đến anh Sơn, cũng không có ý kiến hay biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với anh Sơn, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh Svà chị L là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Stheo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: chị L và anh Scó 02 con chung tên Nguyễn Phục Quốc L sinh năm 2003 đã trưởng thành và Nguyễn Phục Quốc Hsinh ngày 02/11/2013, khi ly hôn anh Sxin trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu H sống với anh Sdo anh S trực tiếp chăm sóc, nguyện vọng của cháu H cũng là được sống với anh Sơn, do đó giao cháu H cho anh Strực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất cho cháu và không làm ảnh hưởng tới cuộc sống ổn định của cháu H. Anh Skhông yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị L và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: chị L và anh S không yêu cầu Tỏa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nợ chung.

Về án phí:

Anh Sphải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án,đề nghị áp dụng các Điều 51,56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Svề việc xin ly hôn với chị L, về con chung đề nghị giao con chung cho anh Strực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con,về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

- Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Nguyễn Phục S: cho anh Nguyễn Phục S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L

-Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Phục Quốc H sinh ngày 02/11/2013 cho anh Nguyễn Phục S trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Kim L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Sđã nộp theo biên lai số 0021347 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như anh Sđã nộp xong án phí.

Anh S và chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- Đương sự
-Lưu hồ sơ, án văn.